

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		KNT	7:25	19	0		17	0	
2		SAVR-KNT	7:25	15+4	0+0		18+3	0+0	
3		TTC2+TTC1+TTC3	7:25	8+7+7	0+0+0		5+8+9	0+0+0	
4		P4+P8	7:25	13+9	0+0		13+9	0+0	
5		RP3+CLO	7:25	10+12	0+0		9+13	0+0	
6		TD5+P6	9:25	5+17	0+0		2+20	0+0	
7		P8+BK19	9:25	19+3	0+0		19+3	0+0	
8		PPD+GTC1+BK15	9:25	16+0+5	0+0+0		15+0+7	0+0+0	chuyen 3 gtc1-bk15
9		CTK3+RP3	9:25	6+16	0+0		0+22	0+0	
10		BK9+PBDA+PPD	11:25	1+12+7	0+0+0		1+5+16	0+0+0	chuyen 2 bk9pbda
11		SAVR+P6+TTC2	11:25	9+11+0	0+0+0		4+6+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
l/ l ng P4 về đi Rp3, lng TTC2 về trong ngày



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 30/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:25
B.CARD: XANH-1	TO: KNT	CREW: ATUẤN - VLINH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3390	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN TIẾN	KNT	25	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HOÀI THIÊN	KNT	40	1	14			76	DVL	Vietnamese
3	ĐỖ THÀNH TIẾN	KNT	29	1	17			81	DVL	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THUẬT	KNT	27	1	16			81	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC LONG	KNT	28	1	17			67	DVL	Vietnamese
6	VƯƠNG VĂN THỐNG	KNT	42-43	2	8			67	YTE	Vietnamese
7	HOÀNG QUỐC BẢO	KNT	26	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	KNT	31-32	2	11			79	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG CÔNG THỊNH	KNT						78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC BÌNH	KNT	44	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TUẤN ANH	KNT	38-39	2	11			64	KH-THAC	Vietnamese
12	BÙI THỌ DŨNG	KNT	35	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	KNT	30	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN ANH ĐÔNG	KNT	36	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO QUANG THIẾT	KNT	41	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
16	LÂM TRỌNG ĐẠI	KNT	33	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC DU	KNT	37	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN ĐÌNH PHÁC	KNT						75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	KNT	34	1	2			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	19	1.380	20	152	0	0	17		
TOTAL		19	1.380	20	152	0	0	17		
WEIGHT KG			1.380		152		0			

GRAND TOAL: 1.532 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN
TRỊNH VINH LINH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 30/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: SAVR - KNT	CREW: LINH - N.ANH - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM26/3403		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	SAVR	03-04	2	12			60	DMC-MI	Vietnamese
2	LÊ HẢI	SAVR	02	1	10			84	PVD LOGGING	Vietnamese
3	BÙI ANH TÚ	SAVR	06	1	11			71	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH HIẾU	SAVR	10	1	15			85	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	SAVR	01	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN ANH ĐỨC	SAVR	08	1	9	1	20	69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN MINH HIẾU	SAVR	20	1	2			57	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC HUNG	SAVR	11-12	2	13			74	DVL	Vietnamese
9	ĐỖ GIA LƯỢNG	SAVR	07	1	11			104	BAKER HUGHES	Vietnamese
10	DOMKIN EVGENII	SAVR	13	1	9	1	8	94	AMHTP	Russian
11	VOZHENKO GEORGII	SAVR	14-15	2	19			88	AMHTP	Russian
12	MOLCHANOV ANTON	SAVR	16-17	2	14			91	AMHTP	Russian
13	DOROSHENKO ARTEM	SAVR	18-19	2	16			81	AMHTP	Russian
14	HỒ SỸ CƯỜNG	SAVR	05	1	9			85	PVD LOGGING	Vietnamese
15	LÊ CHÍ CƯỜNG	SAVR	09	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN CAO MẠNH	KNT	93	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG MẠNH HÙNG	KNT	94	1	3	3	55	85	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	KNT	96	1	6			62	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CÔNG	KNT	95	1	3			76	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	15	1.178	20	164	2	28	18		
2	KNT	4	300	4	15	3	55	3		
TOTAL		19	1.478	24	179	5	83	21		
WEIGHT KG			1.478		179		83			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 30/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: VÀNG-1	TO: TTC2 - TTC1 - TTC3	CREW: TTRUNG - QVIỆT - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM26/3406		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHÙNG MINH HIỂU	TTC2	99	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN NGỌC VŨ LINH	TTC2	98	1	4			71	DK9	Vietnamese
3	HỒ TRƯỞNG KIÊN	TTC2	97	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
4	BÙI VĂN TUẤN	TTC2						55	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ PHƯƠNG	TTC2	96	1	7			53	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ANH QUANG	TTC2	95	1	11	1	11	81	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC QUÂN	TTC2	93	1	11	2	32	83	CODIEN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HIỆP	TTC2	300	1	8			78	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN HOÀNG SƠN	TTC1	70-71	2	14			77	KH-THAC	Vietnamese
10	BÙI THẾ ƯU	TTC1	72-73	2	7			72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HUY	TTC1	75-76	2	11			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG QUỐC MẠNH	TTC1	74	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ QUANG TỎ	TTC1	67-68	2	13			63	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	TTC1	77	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ TRẦN MINH KHÁNH	TTC1	69	1	7			66	PSV	Vietnamese
16	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	74	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN ANH	TTC3	68-69	2	19			63	KH-THAC	Vietnamese
18	VÕ TUẤN MẠNH	TTC3	72	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TTC3	70	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	TTC3	77	1	13			76	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TÙNG	TTC3	71	1	13	2	13	79	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC3	73	1	6			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	8	587	7	54	3	43	5		
2	TTC1	7	503	11	74	0	0	8		
3	TTC3	7	503	8	71	2	13	9		
TOTAL		22	1.593	26	199	5	56	22		
WEIGHT KG			1.593		199		56			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG

NGUYỄN QUANG VIỆT





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 30/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO: P4 - P8	CREW: HUNG - ĐNAM - TÚ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/3409		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN LÊ HUY	P4	78	1	4			71	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	77	1	5			74	KHI	Vietnamese
3	NGÔ THANH LÂM	P4	86	1	3	3	39	66	KHI	Vietnamese
4	LÊ VĂN MẠNH	P4	81-82	2	9	1	20	56	KHI	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC DUY	P4	83-84	2	9			60	KHI	Vietnamese
6	BÙI ĐĂNG TIẾN	P4	87	1	7			67	KHI	Vietnamese
7	ZAGUDAEV V.E	P4	79	1	6			80	KHI	Russian
8	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	85	1	4			79	KHI	Vietnamese
9	LÊ QUANG VINH	P4	90	1	6			69	KHI	Vietnamese
10	HOÀNG THÁI DƯƠNG	P4						70	KHI	Vietnamese
11	ĐỖ KHƠ LẠI	P4	88-89	2	16			70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HẢO	P4	80	1	13			78	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHÁNH	P4	95	1	10			74	KHI	Vietnamese
14	CHERNIAVSKY D.C	P8	77	1	10			119	KH-THAC	Russian
15	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P8	29	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG NGỌC ANH CHIẾN	P8	76	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	78	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
18	THÁI TRỌNG BÌNH	P8	75	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
19	DUONG TRI NAM	P8						87	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THÀNH ĐỨC	P8	35	1	5	3	21	93	YTE	Vietnamese
21	DƯ TRẦN HƯNG	P8	30-31	2	21			82	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG HÓA	P8	74	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	13	914	15	92	4	59	13		
2	P8	9	768	9	71	3	21	9		
TOTAL		22	1.682	24	163	7	80	22		
WEIGHT KG			1.682		163		80			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN ĐỨC NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 30/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: NAU-1	TO: RP3 - CLO	CREW: ĐỨC - T.HIỆU - DŨNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/3411	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	MD AQUID AUGUSTINE BIN MD OTHMAN	RP3	64-65	2	17	4	70	80	KHOAN	Bruneian
2	VŨ MẠNH CƯỜNG	RP3	63	1	7			68	KHI	Vietnamese
3	PHẠM HOÀNG NGUYỄN	RP3	60	1	4			67	KHI	Vietnamese
4	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	55	1	5			84	KHI	Vietnamese
5	TRẦN THANH ĐỨC	RP3	58	1	5			98	KHI	Vietnamese
6	VÕ ĐÔN LONG	RP3	59	1	4			73	KHI	Vietnamese
7	BÙI SỸ CÔNG	RP3	61-62	2	20			61	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG QUANG LỘC	RP3	54	1	14			64	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	RP3	57	1	12			51	CODIEN	Vietnamese
10	ĐÀO CHÍ THANH	RP3	56	1	8			81	CODIEN	Vietnamese
11	SAIFUL BAHARI NGAH	RP3	66-67	2	20			57	KHOAN	Malaysian
12	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	CLO	63	1	4			56	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CHÍ NGHIỆP	CLO	64	1	3			81	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN SĨ LONG	CLO	62	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
15	TỪ QUỐC VIỆT	CLO	59	1	9			64	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN VỊNH	CLO	58	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ MINH HIỆP	CLO	61	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG BẰNG	CLO	57	1	8			82	KHOAN	Vietnamese
19	VƯƠNG NGỌC HOÀN	CLO	60	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ VĂN TUÂN	CLO	55	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ VĂN HÙNG	CLO	56	1	4			61	PSV	Vietnamese
22	LÊ MINH MINH	CLO	54	1	5			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	11	784	14	116	4	70	10		
2	CLO	11	764	11	58	0	0	12		
TOTAL		22	1.548	25	174	4	70	22		
WEIGHT KG			1.548		174		70			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
LÊ TRUNG HIỆU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 30/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: TD5 - P6	CREW: LINH - N.ANH - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 6	VNHS FLIGHT: TM26/3404		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	TD5	86	1	9	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	TD5	100	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
3	FIRSOV EVGENII	TD5	88	1	7			103	KHOAN	Russian
4	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	90-91	2	6			71	KH-THAC	Vietnamese
5	GASUKHA VITALY	TD5	85	1	5			96	D-HANH	Russian
6	LAZAREVA A	P6	54	1	7	4	75	85	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P6	53	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SÁU	P6	55	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VĂN HOAN	P6	45	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH HOÀN	P6	58	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIẾU	P6	56	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÌNH HOÀI NAM	P6	62	1	9	1	15	86	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	P6	49-50	2	11			67	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG HUY	P6	61	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
15	HÀ DUY ĐỒNG	P6						92	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN KHÁNH	P6						66	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	46-47	2	12			69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HỒNG GIANG	P6	48	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ HỮU CHÍNH	P6	52	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THÀNH CHUNG	P6	57	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HUY THÁI	P6	51	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH THẮNG	P6	59-60	2	7			57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	5	417	6	35	1	20	2		
2	P6	17	1.256	18	96	5	90	20		
TOTAL		22	1.673	24	131	6	110	22		
WEIGHT KG			1.673		131		110			

GRAND TOAL: 1.914 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 30/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: P8 - BK19	CREW: TTRUNG - QVIỆT - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 7	VNHS FLIGHT: TM26/3407		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM KHẮC ĐOÀN	P8						62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC CHUNG	P8	54	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG CÔNG	P8	47	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG PHÚC HÙNG	P8	52	1	11			92	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN BAC	P8	56	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG VĂN TÙNG	P8						67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRÍ HÙNG	P8	50	1	5	4	70	76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĨNH DŨNG	P8	51	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG HUY	P8	48	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN CƯỜNG	P8	55	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HOÀNG GIANG	P8	49	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN KHIÊM HIẾU	P8	53	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN DOÃN ĐỨC	P8	41	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG ĐÌNH VINH	P8	43	1	9			63	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN MINH DŨNG	P8	37-38	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐÌNH VĂN QUẢNG	P8	42	1	7			56	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TRƯỜNG	P8	44	1	7	1	15	64	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐẶNG QUANG THỜI	P8	39-40	2	14			61	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG	P8	46	1	3			76	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ MINH TOÀN	BK19	95-97	3	18			116	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THÀNH HUY	BK19	93-94	2	18			90	KH-THAC	Vietnamese
22	KIỀU VĂN TUẤN	BK19	92	1	3			77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	19	1.303	19	132	5	85	19		
2	BK19	3	283	6	39	0	0	3		
TOTAL		22	1.586	25	171	5	85	22		
WEIGHT KG			1.586		171		85			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG
NGUYỄN QUANG VIỆT





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 30/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO: PPD - GTC1 - BK15	CREW: HUNG - ĐNAM - TÚ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 8	VNHS FLIGHT: TM26/3410		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	80	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
2	BÙI VĂN HUNG	PPD						77	KHI	Vietnamese
3	ĐỖ CHUNG KIÊN	PPD	75	1	3	4	80	62	KHI	Vietnamese
4	PHẠM VĂN SƠN	PPD	81	1	4	2	26	61	KHI	Vietnamese
5	VÕ VĂN QUYỀN	PPD	77	1	3			71	KHI	Vietnamese
6	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	69	1	5			80	KHI	Vietnamese
7	OKOVANTSEV	PPD	71	1	10			117	KHI	Russian
8	NGUYỄN HỮU HẢO	PPD	78	1	4			79	KHI	Vietnamese
9	TRẦN HUỖNH ANH PHONG	PPD	74	1	4			74	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	70	1	3			71	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TÁT KHÁNH	PPD	79	1	5			70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	73	1	5			75	KHI	Vietnamese
13	LÊ TRUNG LÂN	PPD	72	1	3			77	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD						88	KHI	Vietnamese
15	TRƯƠNG HẢI HÀ	PPD	76	1	7			71	KHI	Vietnamese
16	HOÀNG HUY TIẾN	PPD	67-68	2	15			55	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	BK15	78-79	2	15	2	30	57	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN QUANG HOÀNG	BK15	82	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
19	HÀ XUÂN ĐẠT	BK15	81	1	8			57	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯU TIẾN THÀNH	BK15	83	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CHÍ CÔNG	BK15	80	1	5			94	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
				PCS	WT	PCS	WT				
1	PPD	16	1.183	15	76	6	106	15		CHUYEN 3 PAX GTC1-BK15 <i>(1 pax ghi)</i>	
2	GTC1	0	0	0	0	0	0	0	13		
3	BK15	5	345	6	41	2	30	7			
TOTAL		21	1.528	21	117	8	136	22			
WEIGHT KG			1.528		117		136				

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN ĐỨC NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 30/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: NAU-2	TO: CTK3 - RP3	CREW: ĐỨC - T.HIỆU - DŨNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 9	VNHS FLIGHT: TM26/3412		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ TRÍ NĂNG	CTK3	42	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÀ AN	CTK3	39-40	2	8			53	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
3	NGÔ SỸ TRÌNH	CTK3	37-38	2	15	4	65	58	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
4	PHAN DUY PHƯƠNG	CTK3	41	1	10			62	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
5	NGUYỄN MAI SON	CTK3						75	VNHS	Vietnamese
6	PHAM NGOC HUNG	RP3	13	1	6			83	KHI	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN HẢI	RP3	12	1	7			65	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG NAM	RP3						67	KHI	Vietnamese
9	PHẠM VĂN MINH	RP3	04-05	2	12			53	KHI	Vietnamese
10	BÙI VĂN PHÚ	RP3	15	1	5			74	KHI	Vietnamese
11	KHÔNG TIẾN DŨNG	RP3	14	1	6			79	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BẰNG	RP3	07	1	8	1	20	85	KHI	Vietnamese
13	BÙI VĨNH THÀNH	RP3	09	1	6			65	KHI	Vietnamese
14	VŨ TUẤN MINH	RP3	10-11	2	16			58	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN DŨNG	RP3	18-19	2	11			76	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN THANH	RP3	03	1	10			52	KHI	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HÙNG	RP3	01	1	13			73	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP3	16	1	8	1	18	75	KHI	Vietnamese
19	VÕ VĂN GIANG	RP3	08	1	9			63	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC QUANG	RP3	02	1	16			57	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TUẤN	RP3	06	1	6			81	PSV	Vietnamese
22	PHAM VAN ĐỨC	RP3				2	30	75	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	5	326	7	43	4	65	1		
2	RP3	17	1.181	18	139	3	68	21		
TOTAL		22	1.507	25	182	7	133	22		
WEIGHT KG			1.507		182		133			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC
LÊ TRUNG HIỆU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 30/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK9 - PBDA - PPD	CREW: LINH - HTRUNG - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10	VNHS FLIGHT: TM26/3405		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VIỆT HÀ	BK9	95	1	12	2	40	75	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN GIA CƯỜNG	PBDA	81	1	12	1	10	71	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	PBDA	93-94	2	15			78	DVL	Vietnamese
4	VŨ VĂN TRUNG	PBDA	82-83	2	20			77	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN NGỌC	PBDA	84-85	2	18			68	DVL	Vietnamese
6	CHANATEP LUKSANAPRIM	PBDA	79-80	2	13	1	24	70	BAKER HUGHES	Thailand
7	LÊ VĂN HẠNH	PBDA	95	1	8	1	15	74	MINH MINH	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC HÙNG	PBDA	01	1	12			75	MINH MINH	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HÙNG	PBDA	98	1	10			74	MINH MINH	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HỮU	PBDA	91	1	15	1	14	64	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHÒNG	PBDA	88-89	2	15	1	15	55	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ VĂN KIÊM	PBDA	86-87	2	17			74	CODIEN	Vietnamese
13	CÁI THANH CHUÔNG	PBDA	99,300	2	11			76	XAYLAP	Vietnamese
14	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	22	1	5	2	40	59	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	21	1	8			77	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	24	1	3			72	KHI	Vietnamese
17	BÙI NGỌC HƯƠNG	PPD	20	1	5			62	KHI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN DŨNG	PPD	19	1	3			71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	1	75	1	12	2	40	1	2	CHUYEN 2 PAX BK9-PBDA
2	PBDA	12	856	19	166	5	78	5		
3	PPD	5	341	5	24	2	40	16		
TOTAL		18	1.272	25	202	9	158	22		
WEIGHT KG			1.272		202		158			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 30/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: SAVR - P6 - TTC2	CREW: DUONG - SON - TOAN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 11	VNHS FLIGHT: TM26/3408		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	SAVR	30	1	6			90	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN CƯỜNG	SAVR	27	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN NGHĨA	SAVR	31	1	15			86	DVL	Vietnamese
4	HOÀNG BÁ THẮNG	SAVR	26	1	13			62	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU VIỆT	SAVR	32	1	14			59	DVL	Vietnamese
6	NHÂM ĐỨC TUẤN	SAVR	74	1	4			72	DVL	Vietnamese
7	KIỀU TUẤN ANH	SAVR	28-29	2	13			83	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THƯ	SAVR	25	1	13			64	DVL	Vietnamese
9	LƯU TIẾN TỐI	SAVR	23	1	8			61	AMHGP	Vietnamese
10	ĐÀO KIM SÂM	P6	72	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P6	77	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG HUY	P6	69	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG THÁI ANH	P6	70-71	2	12			76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	P6						76	PSV	Vietnamese
15	LÊ MINH HOÀN	P6	78	1	7			77	PSV	Vietnamese
16	ĐẶNG XUÂN ĐƯƠNG	P6	80	1	5			71	PSV	Vietnamese
17	DUONG VAN PHAT	P6	68	1	4			60	PSV	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN LUÂN	P6	79	1	6			89	DK9	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN XIN	P6	73-74	2	15			73	QUYẾT THẮNG	Vietnamese
20	TRINH HONG UNG	P6	75-76	2	11			64	QUYẾT THẮNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	9	652	10	91	0	0	4		
2	P6	11	779	13	82	0	0	6		
3	TTC2	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		20	1.431	23	173	0	0	15		
WEIGHT KG			1.431		173		0			

GRAND TOAL: 1.604 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
PHẠM THÁI SON

